

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Lâm

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 59; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Khu 10, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản chung: ông Nguyễn Hoài S; địa chỉ: Công ty Luật TNHH Châu Á, P101, số 127, đường S, phường V, quận G, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Trần Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Nguyễn Bình Minh, sinh ngày 23/3/2011 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 16/12/2012 đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị H về phân chia tài sản chung như sau:

- Anh Q được sở hữu, sử dụng toàn bộ thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, diện tích 272m² tại khu 10, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ và toàn bộ tài sản trên đất (đối với phần diện tích đất 12m² đất trồng cây lâu năm bị hạn chế sử dụng: anh Q phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật). Thửa đất trên đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 712482 ngày 21/01/2020 cho người sử dụng là ông Nguyễn Trọng Q và bà Trần Thị H, tổng trị giá tài sản là 1.474.583.600đ (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

- Anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị H phần giá trị chênh lệch tài sản chung vợ chồng số tiền là: 741.500.000đ (Bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

2.4. Về nợ chung: Ghi nhận việc anh Q và chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Anh Q tự nguyện thanh toán cho chị H số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tương đương ½ số tiền mà chị H đã thanh toán trả khoản nợ chung vợ chồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Tổng số tiền anh Q phải thanh toán cho chị H là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2.5. Thời gian và phương thức thanh toán: Anh Q phải thanh toán số tiền 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) làm 01 (một) lần vào ngày 26/6/2022.

2.6. Về quyền lưu cư: Chị H được lưu cư 01 (một) tháng từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/6/2022 tại nhà trên thửa đất giao cho anh Q tại khu 10, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

2.7. Về công sức đóng góp: Anh Q và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

Chị H phải chịu 33.660.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí đối với phần tài sản được chia.

Anh Q phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 33.323.344đ (ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn

mười bốn đồng) tiền án phí phần tài sản chung được chia. Xác nhận anh Q đã nộp 21.725.000đ (hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001229 ngày 18/10/2021 và biên lai số 0001221 ngày 01/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Anh Q còn phải nộp 11.748.344đ (mười một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Anh Q và chị H mỗi người phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận anh Q đã nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Chị H tự nguyện thanh toán lại cho anh Q 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh;
- UBND thị trấn C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng